

## BÁO CÁO THỐNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỌC SƠ SINH

**Thống kê số liệu:** Từ ngày 01/01/2018 đến 30/11/2018.

**Đơn vị:** BV Đa Khoa Hưng Thịnh

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 17/12/2018).

### I – BÁO CÁO KẾT QUẢ SÀNG LỌC TỔNG QUÁT

STT	Thông tin	Số lượng	Tỉ lệ
1	Thông tin mẫu lần 1		
	Tổng mẫu mới	71	100%
	Nguy cơ thấp	70	98.59%
	Nghi ngờ	1	1.41%
2	Tỷ lệ thu lại mẫu lần 2		
	Mẫu cần thu lại lần 2(Kết quả NCC lần 1)	1	1.41%
	Mẫu đã thu lại lần 2	0	0.00%
	Mẫu chưa thu lại lần 2	1	100.00%
3	Kết quả Sàng lọc sơ sinh	<div> <div>Mẫu nguy cơ cao lần 1 (Chưa được thu lại mẫu)</div> <div>Mẫu thu lại lần 2</div> </div>	<div> <div>Nguy cơ cao</div> <div>Nguy cơ thấp</div> </div>
	G6PD	1	0
	CH	0	0
	CAH	0	0
	PKU	0	0
	GAL	0	0
	HEMO	0	0

## BÁO CÁO THỐNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỘC SƠ SINH

**Thống kê số liệu:** Từ ngày 01/01/2018 đến 30/11/2018

**Đơn vị:** BV Đa Khoa Hưng Thịnh

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 17/12/2018)

### II – BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

STT	Thông tin	Số lượng	Tỉ lệ
1	Tổng số mẫu	71	
2	Giới tính		
	Nam	38	
	Nữ	33	
	Nam/Nữ	1.15	
3	Phương pháp sinh		
	Sinh mổ	64	90.14%
	Sinh thường	5	7.04%
	N/A	2	2.82%
4	Tuổi mẹ khi sinh (Chi tiết tại trang 3)		
	N/A	0	0.00%
	Dưới 18 tuổi	0	0.00%
	Từ 18 đến 35 tuổi	67	94.37%
	Trên 35 tuổi	4	5.63%
5	Sinh con thứ 3 trở lên (Dựa vào Para)		
	Sinh con thứ 3	33	46.48%
	Sinh con thứ 4	8	11.27%
	Sinh con thứ 5 trở lên	1	1.41%
6	Gói xét nghiệm		
	2 bệnh	0	0.00%
	3 bệnh	0	0.00%
	5 bệnh	71	100.00%
	2 bệnh + Hemo	0	0.00%
	3 bệnh + Hemo	0	0.00%
	5 bệnh + Hemo	0	0.00%
7	Chương trình sàng lọc		
	Quốc gia	0	0.00%
	Xã hội hóa	71	100.00%
	Demo	0	0.00%
8	Chất lượng mẫu		
	Mẫu đạt chất lượng	56	78.87%
	Mẫu không đạt chất lượng	15	21.13%
	Trẻ sinh non hoặc nhẹ cân	1	1.41%
	Mẫu ít	7	9.86%
	Không thấm đều 2 mặt	14	19.72%

## BÁO CÁO THỐNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỌC SƠ SINH

**Thống kê số liệu:** Từ ngày 01/01/2018 đến 30/11/2018

**Đơn vị:** BV Đa Khoa Hưng Thịnh

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 17/12/2018)

### III – BÁO CÁO CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU

STT	Thông tin	Nguy cơ thấp (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ cao (Mẫu thu lần 1)	Tổng (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ thấp (Mẫu thu lần 2)	Nguy cơ cao (Mẫu thu lần 2)	Tổng (Mẫu thu lần 2)
1	Cân nặng trẻ (g)	70	1	71	0	0	0
	< 2500	0	1	1	0	0	0
	2500 ≤ X < 3000	9	0	9	0	0	0
	3000 ≤ X < 3500	32	0	32	0	0	0
	3500 ≤ X < 4000	24	0	24	0	0	0
	4000 ≤ X < 4500	5	0	5	0	0	0
	4500 ≤ X < 5000	0	0	0	0	0	0
	≥ 5000	0	0	0	0	0	0
2	Tuổi mẹ	70	1	71	0	0	0
	N/A	0	0	0	0	0	0
	13	0	0	0	0	0	0
	14	0	0	0	0	0	0
	15	0	0	0	0	0	0
	16	0	0	0	0	0	0
	17	0	0	0	0	0	0
	18 ≤ X < 20	2	0	2	0	0	0
	20 ≤ X < 25	17	0	17	0	0	0
	25 ≤ X < 30	32	1	33	0	0	0
	30 ≤ X < 35	15	0	15	0	0	0
	35 ≤ X < 40	4	0	4	0	0	0
	40 ≤ X < 45	0	0	0	0	0	0
	≥ 45	0	0	0	0	0	0
3	Dân tộc	70	1	71	0	0	0
	Kinh	67	1	68	0	0	0
	Tày	2	0	2	0	0	0
	H mông	1	0	1	0	0	0